

TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM
CÔNG TY TNHH MTV
HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC I

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 16 /QĐ-CTHTHHKV.I

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MTV HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC I

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 146/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định việc niêm yết giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa container bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực I;

Căn cứ Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam;

Theo đề nghị của Kế toán trưởng Công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực I (sau đây gọi tắt là Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực I).

Những nội dung chưa quy định tại Quyết định này sẽ được thực hiện theo Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2024, bãi bỏ Quyết định số 188/QĐ-CTHTHHKV.I ngày 29 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực I về việc Ban hành Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải.

Điều 3. Các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng, Trạm thuộc Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực I và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Hàng hải Việt Nam (để b/c);
- Sở Tài chính TP.HCM (để b/c);
- Cục thuế TP.HCM (để b/c);
- Tổng Cty BDATHHMN (để b/c);
- Lưu VT, TCKT.



Nguyễn Văn Thọ

BIỂU GIÁ DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16 /QĐ-CTHTHHKV.I ngày 26/01/2024 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực I)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng giá dịch vụ hoa tiêu

1. Biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức cá nhân nước ngoài liên quan đến hoạt động cung cấp và sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại cảng biển Việt Nam.

2. Đối tượng tính giá dịch vụ đối với hoạt động hàng hải quốc tế, bao gồm:

a) Tàu thuyền xuất cảnh, nhập cảnh hoặc quá cảnh vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải; tàu thuyền nước ngoài vào hoạt động tại cảng biển Việt Nam;

b) Tàu thuyền hoạt động vận tải hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, quá cảnh tại khu vực hàng hải;

c) Tàu thuyền vận tải hành khách từ Việt Nam đi nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam; tàu thuyền chuyên dùng hoạt động trên tuyến quốc tế vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải;

3. Đối tượng tính giá dịch vụ đối với hoạt động hàng hải nội địa, bao gồm:

a) Tàu thuyền hoạt động hàng hải nội địa vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải;

b) Tàu thuyền vận tải hàng hoá, hành khách hoạt động hàng hải nội địa vào, rời, đi qua hoặc neo đậu tại khu vực hàng hải;

c) Tàu thuyền hoạt động trên các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam;

4. Tàu công vụ là tàu thuyền chuyên dùng để thực hiện công vụ của Nhà nước không vì mục đích thương mại không thuộc đối tượng tính giá theo quy định tại Biểu giá này.

5. Tàu thuyền vào, rời cảng tránh trú bão hoặc để bàn giao người bị nạn trên biển mà không xếp dỡ hàng hoá, không nhận trả khách có xác nhận của cảng vụ hàng hải tại khu vực; tàu thuyền tham gia tìm kiếm cứu nạn, phòng chống lụt bão, thiên tai theo lệnh điều động hoặc được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền không thuộc đối tượng tính giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải.

Điều 2. Tuyến dẫn tàu của Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực I

Công ty được giao thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong vùng hoa tiêu hàng hải thuộc địa phận: Thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh

Đồng Nai, Bình Dương, Long An, Bình Thuận và các tuyến sông Tiền, sông Hàm Luông, sông Côn Cổ Chiên.

1. Các tuyến dẫn tàu được giao tương ứng với các loại dịch vụ được quy định tại Điều 8 (vận tải nội địa) và Điều 9 (vận tải quốc tế) của Biểu giá này, cụ thể:

- Vũng Tàu - TPHCM (theo sông Lòng Tàu, sông Soài Rạp);
- Vũng Tàu - Đồng Nai, Long An;
- Vũng Tàu - Mỹ Tho, Vĩnh Long, Đồng Tháp;
- Tỉnh Bình Thuận: P/S -Vĩnh Tân, LPG Hòa Phú, Hồ Lân; tuyến Phú Quý;
- Tuyến thủy nội địa từ TP.HCM đi dọc theo sông Tiền đến biên giới Việt Nam - Campuchia và ngược lại;
- Các tuyến TP.HCM đi Cái Mép, bến phao 50.000 DWT kho xăng dầu Cù Lao Tào luồng Thị Vải, Sông Dinh trừ các bến cảng của Tổng công ty Tân Cảng Sài Gòn quản lý, khai thác.

2. Các tuyến hàng hải khác: là các tuyến hàng hải mà Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực I được cấp phép hoạt động.

Điều 3. Thời gian làm việc

- Giờ làm việc trực ban hoa tiêu và hoa tiêu dẫn tàu: 24h/24h (kể cả ngày Thứ bảy, Chủ nhật, Lễ, Tết).

- Giờ làm việc hành chính: buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 12 giờ 00 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 16 giờ 30 phút vào các ngày từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Biểu giá này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tàu thuyền là phương tiện hoạt động trên mặt nước hoặc dưới mặt nước bao gồm tàu, thuyền và các phương tiện khác có động cơ hoặc không có động cơ.

2. Tàu thuyền chuyên dùng phục vụ dầu khí là tàu thuyền phục vụ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí hoặc thực hiện các hoạt động liên quan đến dịch vụ dầu khí.

3. Tổng dung tích - Gross Tonnage (GT) là dung tích toàn phần lớn nhất của tàu thuyền được ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

4. Lướt dẫn tàu là việc hoa tiêu hàng hải dẫn tàu liên tục từ vị trí hoa tiêu lên tàu đến vị trí hoa tiêu rời tàu theo quy định.

5. Một chuyến được tính là tàu thuyền vào khu vực hàng hải 01 lướt và rời khu vực hàng hải 01 lướt.

6. Tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo bao gồm các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam được công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Đơn vị tính và cách làm tròn

1. Tổng dung tích (GT) là một trong các đơn vị cơ sở để tính giá dịch vụ tại cảng biển.

2. Đối với tàu thuyền không ghi GT chọn phương thức quy đổi có dung tích GT lớn nhất, được quy đổi như sau:

a) Tàu biển và phương tiện thủy nội địa tự hành: 1,5 tấn trọng tải tính bằng 01 GT;

b) Sà lan: 01 tấn trọng tải toàn phần tính bằng 01 GT;

c) Tàu kéo, tàu đẩy, tàu chở khách (kể cả thủy phi cơ) và cầu nổi: 01 mã lực (HP, CV) tính bằng 0,5 GT; 01 KW tính bằng 0,7 GT; 01 tấn sức nâng của cầu đặt trên tàu thuyền tính bằng 06 GT;

d) Tàu thuyền chở khách không ghi công suất máy: 01 ghế ngồi dành cho hành khách tính bằng 0,67 GT; 01 giường nằm tính bằng 04 GT;

đ) Trường hợp tàu thuyền là đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn: tính bằng tổng dung tích của cả đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn, bao gồm: sà lan, đầu kéo hoặc đầu đẩy.

3. Đơn vị tính công suất máy: công suất máy chính của tàu thuyền được tính theo HP, CV hoặc KW; phần lẻ dưới 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW tính tròn là 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW.

4. Đơn vị thời gian:

a) Đối với đơn vị thời gian là ngày: 01 ngày tính là 24 giờ; phần lẻ của ngày từ 12 giờ trở xuống tính bằng 1/2 ngày, trên 12 giờ tính bằng 01 ngày;

b) Đối với đơn vị thời gian là giờ: 01 giờ tính bằng 60 phút; phần lẻ từ 30 phút trở xuống tính bằng 1/2 giờ, trên 30 phút tính bằng 01 giờ.

5. Đơn vị khối lượng hàng hóa (kể cả bao bì) là tấn hoặc mét khối (m^3); phần lẻ dưới 0,5 tấn hoặc 0,5 m^3 không tính, từ 0,5 tấn hoặc 0,5 m^3 trở lên tính bằng 01 tấn hoặc 01 m^3 . Trong một vận đơn lẻ, khối lượng tối thiểu để tính giá là 01 tấn hoặc 01 m^3 . Với loại hàng hóa mỗi tấn chiếm từ 02 m^3 trở lên thì cứ 02 m^3 tính bằng 01 tấn.

6. Đơn vị khoảng cách tính giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải là hải lý (HL); phần lẻ dưới 01 HL tính bằng 01 HL.

Điều 6. Đồng tiền tính giá dịch vụ

1. Đồng tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu là Đồng Việt Nam hoặc Đô la Mỹ đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế; Đồng tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu là Đồng Việt Nam đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa.

2. Trường hợp chuyển đổi từ Đô la Mỹ sang Đồng Việt Nam thì quy đổi theo tỷ giá giao dịch mua chuyển khoản công bố tại Ngân hàng Công ty mở tài khoản tại thời điểm phát hành hóa đơn.

Điều 7. Cơ sở xác định giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

1. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được tính theo từng lượt dẫn tàu, bằng tích số của giá dịch vụ tương ứng quy định tại Điều 8, Điều 9 Biểu giá này với cự ly dẫn tàu với tổng dung tích của tàu thuyền; riêng đối với khoản 2 Điều 8 và điểm 1 khoản 1 Điều 9 thì được tính bằng tích số của giá dịch vụ tương ứng với tổng dung tích của tàu thuyền.

2. Trường hợp giá dịch vụ hoa tiêu tính theo quy định tại khoản 1 Điều này thấp hơn giá tối thiểu cho 01 lượt dẫn tàu thì áp dụng bằng giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu quy định tại Điều 8, Điều 9 của Biểu giá này.

3. Tổng dung tích (GT) là một trong các đơn vị cơ sở để tính giá dịch vụ hoa tiêu, trong đó:

a) Đối với tàu thuyền chở hàng lỏng: dung tích toàn phần tính bằng 85% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định, không phân biệt tàu có hay không có két nước dẫn;

b) Đối với tàu thuyền chở khách: dung tích toàn phần tính bằng 50% GT lớn nhất ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp cho tàu thuyền theo quy định.

4. Công ty Hoa tiêu hàng hải khu vực I khi cung cấp dịch vụ sẽ sử dụng hóa đơn theo quy định của pháp luật.

5. Các mức giá quy định tại Biểu giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Chương II

CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 8. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải nội địa

TT	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Giá dịch vụ
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải tại tuyến dẫn tàu Thị Vải (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu), giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu là 2.000.000 đồng/lượt dẫn tàu.	Đồng/GT/HL	40,00
2	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu là 2.000.000 đồng/lượt dẫn tàu.	Đồng/GT	60,00
3	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với các loại tàu thuyền trên các tuyến còn lại; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu là 2.000.000 đồng/lượt dẫn tàu.	Đồng/GT/HL	25,00

Điều 9. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động vận tải quốc tế

1. Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải đối với một số tuyến dẫn tàu và một số loại tàu thuyền được quy định như sau:

TT	Loại dịch vụ	Đơn vị tính	Giá dịch vụ
1	Dịch vụ hoa tiêu hàng hải áp dụng đối với tàu thuyền di chuyển trong cảng mà khoảng cách dẫn tàu dưới 05 hải lý; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu 100USD/lượt dẫn tàu.	USD/GT	0,0150
2	Dịch vụ hoa tiêu áp dụng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT (kể cả tàu đánh bắt cá).	USD/lượt dẫn tàu	40,00

2. Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, giá dịch vụ hoa tiêu được tính lũy tiến như sau:

TT	Cự ly dẫn tàu	Đơn vị tính	Giá dịch vụ
1	Dưới 10 hải lý; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu 300 USD/lượt dẫn tàu.	USD/GT/HL	0,00340
2	Từ 10 hải lý đến 30 hải lý; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu 300 USD/lượt dẫn tàu.	USD/GT/HL	0,00220
3	Trên 30 hải lý; giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu 300 USD/lượt dẫn tàu.	USD/GT/HL	0,00150

3. Đối với các trường hợp sử dụng dịch vụ hoa tiêu hàng hải quy định tại khoản 2 Điều này, tàu thuyền có dung tích từ 80.000 GT trở lên (không áp dụng đối với tàu khách và tàu hàng lỏng), hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, trung chuyển, giá dịch vụ hoa tiêu được tính lũy tiến như sau:

a) Phần dung tích trên 80.000 GT đến 120.000 GT, áp dụng mức giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 50% quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Phần dung tích trên 120.000 GT đến 160.000 GT, áp dụng mức giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 40% quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Phần dung tích trên 160.000 GT trở lên, áp dụng mức giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải bằng 30% quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 10. Các trường hợp tính giá cụ thể

1. Khi yêu cầu dịch vụ hoa tiêu hàng hải, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu tối thiểu là 06 giờ. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu, người yêu cầu hoa tiêu phải báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến tối thiểu là 03 giờ;

2. Trường hợp thay đổi giờ yêu cầu hoa tiêu hoặc hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu mà thời gian báo cho tổ chức hoa tiêu biết trước thời điểm yêu cầu hoa tiêu đã dự kiến dưới 03 giờ, người yêu cầu hoa tiêu phải trả tiền chờ đợi thì áp dụng mức giá bằng 30.000 VNĐ/người/giờ đối với hoạt động nội địa và 10 USD/người/giờ đối với hoạt động quốc tế. Đối với trường hợp bao gồm cả phương tiện thì áp dụng mức giá bằng 200.000 VNĐ/người và phương tiện/giờ đối với hoạt động nội địa và 20 USD/người và phương tiện/giờ đối với hoạt động quốc tế. Trường hợp hoa tiêu chưa xuất phát thì tính 01 giờ; hoa tiêu đã rời vị trí xuất phát, thời gian chờ đợi tính từ lúc xuất phát đến khi hoa tiêu trở về vị trí ban đầu được tính tối thiểu là 01 giờ; hoa tiêu chỉ chờ đợi tại địa điểm đón tàu sau thời điểm yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không quá 04 giờ, quá thời gian trên việc yêu cầu dịch vụ hoa tiêu coi như đã hủy bỏ và người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và mức giá quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Biểu giá này.

3. Hoa tiêu đã hoàn thành việc dẫn tàu, nếu thuyền trưởng vẫn giữ hoa tiêu lại sẽ tính thêm tiền chờ đợi và tiền chờ đợi được tính theo số giờ giữ lại thực tế.

4. Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu mà người yêu cầu hoa tiêu hủy bỏ yêu cầu hoa tiêu thì người yêu cầu hoa tiêu phải trả 80% số tiền tính giá dịch vụ hoa tiêu theo cự ly dẫn tàu đã yêu cầu hoa tiêu trước đó và mức giá quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Biểu giá này.

5. Tàu thuyền có hành trình để thử máy móc thiết bị, hiệu chỉnh la bàn thì áp dụng bằng 110% mức giá quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Biểu giá này.

6. Tàu thuyền không tự vận hành được vì lý do sự cố kỹ thuật mà phải sử dụng tàu lai thì áp dụng bằng 150% mức giá quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Biểu giá này.

7. Tàu thuyền yêu cầu hoa tiêu đột xuất (ngoài quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 và khoản 6 Điều này) thì áp dụng bằng 110% mức giá quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Biểu giá này.

8. Trường hợp hoa tiêu đã lên tàu nhưng tàu thuyền không vận hành được vì lý do bất khả kháng có cảng vụ hàng hải khu vực xác nhận thì giá dịch vụ hoa tiêu bằng mức giá tối thiểu cho một lượt dẫn tàu theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Biểu giá này.

9. Tàu thuyền không tới thẳng cảng đến mà yêu cầu neo lại dọc đường (trừ các tuyến không được chạy đêm) người yêu cầu hoa tiêu phải trả chi phí phương tiện phát sinh thêm trong việc đưa đón hoa tiêu. Giá dịch vụ phương tiện đón trả hoa tiêu không quá 300.000 VNĐ/tàu/lượt đối với tàu hoạt động nội địa và 30 USD/tàu/lượt đối với tàu hoạt động quốc tế.

10. Tàu thuyền (trừ tàu thuyền chở khách) vào, rời một khu vực hàng hải tối thiểu 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải trở lên, thì từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 80% mức giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Biểu giá này nhưng không thấp hơn 2.000.000 VNĐ đối với tàu hoạt động nội địa và 300 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.

11. Tàu thuyền chở khách vào, rời khu vực hàng hải tối thiểu 4 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ tư trở đi của tàu này trong tháng, áp dụng bằng 50% mức giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Biểu giá này nhưng không thấp hơn 2.000.000 VNĐ đối với tàu hoạt động nội địa và 300 USD đối với tàu hoạt động quốc tế.

12. Tàu thuyền chở khách hoạt động quốc tế có dung tích toàn phần từ 50.000 GT trở lên vào, rời một khu vực hàng hải, áp dụng bằng 40% mức giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Biểu giá này nhưng không thấp hơn 300 USD

13. Tàu thuyền phải dịch chuyển giữa các cầu cảng trong phạm vi bến cảng theo yêu cầu của giám đốc doanh nghiệp cảng thì áp dụng theo mức giá dịch vụ hoa tiêu dịch chuyển trong cảng đối với tàu thuyền hoạt động hàng hải theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Biểu giá này.

14. Tàu thuyền hoạt động vào, rời khu vực hàng hải lấy nhiên liệu, thực phẩm, nước ngọt, thay đổi thuyền viên, sửa chữa, phá dỡ hoặc chạy thử sau khi sửa chữa hoặc đóng mới mà không bốc dỡ hàng hoá, không đón, trả khách, áp dụng bằng 70% mức giá dịch vụ hoa tiêu quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Biểu giá này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Biểu giá này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2024.

Điều 12. Thủ tục sử dụng dịch vụ hoa tiêu

1. Biểu mẫu yêu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu (*Phụ lục kèm theo*).

2. Thông tin liên hệ:

- Tên Công ty: Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực I.

- Địa chỉ: 45 ABCD Đinh Tiên Hoàng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM.

- Mã số thuế: 0300443683

- Hotline: 0971.410499

- Email: pilotcol@hcm.vnn.vn

Website: www.pilotcol.com

3. Chi tiết các Phòng, Ban Công ty:

- Phòng Hoa tiêu: 028.39404152 / 39409769 Fax: 028.39402385

- Phòng TCKT: 028.39101345 Fax: 028.39404422

- Phòng Phương tiện: 028.39407312 Fax: 028.39407312

- Phòng KHKD: 028.39101496

PHỤ LỤC 01
PHIẾU YÊU CẦU CUNG CẤP DỊCH VỤ
(ORDER)

Mã số khách hàng
(do công ty Hoa tiêu cung cấp)

--

- Tên đại lý / chủ tàu gửi order:.....
- Địa chỉ đại lý / chủ tàu:.....
- Số điện thoại: Fax:..... Mail:.....
- Yêu cầu Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực I bố trí hoa tiêu dẫn tàu:
- Thông số kỹ thuật tàu:

Tàu	Quốc tịch	Hô hiệu
LOA/BEAM	Draft (F/A)	Loại tàu
GT	NT	HĐKD tuyến
DWT	Hàng hóa	Loại hàng hóa

- Ca nô đẹp luông: có không
- Yêu cầu hoa tiêu dẫn tàu

VÀO

Từ	Đến	Lúc	Ngày
----	-----	-----	------

RỜI

Từ	Đến	Lúc	Ngày
----	-----	-----	------

DỜI

Từ	Đến	Lúc	Ngày
----	-----	-----	------

- Cảng rời :.....
- Cảng đến:.....
- Cảng đến tiếp theo:.....
- Giá dịch vụ hoa tiêu tính cho đại lý / chủ tàu:
- Thông tin xuất Hóa đơn như sau:
- + Tên Công ty (khách hàng):.....
- + Địa chỉ:.....
- + Mã số thuế:.....
- + Địa chỉ giao, nhận hóa đơn:
- Cam kết thời gian thanh toán tiền:.....

....., ngày.....thángnăm.....

Ký tên và đóng dấu
(số ĐT liên hệ)

*** Ghi chú:**

- Order được xem như một hợp đồng có giá trị pháp lý cam kết yêu cầu cung cấp dịch vụ hoa tiêu và thanh toán giữa khách hàng (đại lý/chủ tàu) và Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực I
- Trường hợp Order không có dấu tròn thì người ký xác nhận trên Order phải là người đã được đại lý/chủ tàu giới thiệu bằng văn bản cụ thể.
- Nếu khách hàng yêu cầu dịch vụ hoa tiêu không theo mẫu này thì mẫu Order của khách hàng phải đầy đủ các thông tin theo yêu cầu Công ty chúng tôi mới chấp nhận thực hiện dịch vụ.

PHỤ LỤC 02
PHIẾU XÁC NHẬN
PILOTAGE CERTIFICATE

1. Pilot's name:.....2. Time of POB:.....
1. Pilot from:..... To:.....
2. ship's name:.....
3. Captian:.....
4. Agency:.....7. ship's kind:.....
8. LOA:..... GRT:.....DWT:.....Draft: F:..... A:.....
9. Time of service: from:.....hrs. Date:...../...../.....
To: :.....hrs. Date:...../...../.....
10. A waiting time onboard: from:.....hrs. Date:...../...../.....
To: :.....hrs. Date:...../...../.....
11. Reason of waiting onboard:.....
.....
12. Captain's remark:.....
.....

Date:...../...../20.....

Pilot's Signature

Captain's Signature